TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2019
V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.
Các *Hội thẩm nhân dân:*
Bà Nguyễn Thị Mai;
Ông Nguyễn Thế Phương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1990, cư trú: t10, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A, có mặt;

- *Bị đơn*: Ông Bùi Văn T1, sinh năm 1987, cư trú: t12, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ghi ngày 23 tháng 4 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Th trình bày:* Về hôn nhân: Bà và ông T1 tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2005, đến năm 2009 đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01/2009, ngày 14 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh A. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại t10, ấp T, xã T, huyện T. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, do ông T1 không lo cho vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt và đánh đập vợ. Năm 2014-2015 bà đã gửi đơn xin ly hôn với ông T1, nhưng rút đơn nhằm mục

đích hàn gắn gia đình, nhưng ông T1 vẫn không sửa đổi. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà Th yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: Có 04 (bốn) con chung tên Bùi Thị Thúy K, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2006; Bùi Thị Thúy V, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2010; Bùi Thị Thúy Ng, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012 và Bùi Thành L, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2014. Theo nguyện vọng con sống với ai cũng được, đối với con Bùi Thành L còn nhỏ chưa có ý kiến thì bà yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Bùi Văn T1 đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến trình bày của cháu Bùi Thị Thúy K: Có nguyện vọng được sống với cha Bùi Văn T1. *Còn cháu Bùi Thị Thúy V và Bùi Thị Thúy Ng*: có nguyện vọng được sống với mẹ Nguyễn Thị Thu Th.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông T1 có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy quá trình chung sống giữa bà Th và ông T1 có xảy ra mâu thuẫn thời gian dài ông T1 thường xuyên nhậu nhẹt, đánh vợ con, bà Th đã có lần xin ly hôn nhưng rút đơn mục đích để vợ chồng đoàn tụ, đến nay vẫn không thể hàn gắn được. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được.

+ Về con chung: Có 04 (bốn) con chung tên Bùi Thị Thúy K, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2006; Bùi Thị Thúy V, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2010; Bùi Thị Thúy Ng, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012 và Bùi Thành L, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2014. Trên cơ sở nguyện vọng của các cháu và quy định pháp luật cần giao con chung Thúy Kiều cho ông T1 nuôi dưỡng, giao các cháu Thúy Vân, Thúy Ngân cho bà Th nuôi dưỡng. Bà Th có yêu cầu được quyền nuôi con

chung Bùi Thành L, xét về điều kiện, sinh hoạt và học tập cần giao cho bà Th nuôi cháu Lộc là phù hợp. Về cấp dưỡng bà Th không yêu cầu, nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T1 vắng mặt. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Th vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn ông Bùi Văn T1 đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập hợp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Bùi Văn T1 có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Th và ông T1 chung sống với nhau từ năm 2005, nhưng đến ngày 14 tháng 09 năm 2009 mới đủ tuổi và đăng ký kết hôn theo bản theo bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01/2009 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh A. Bà Th và ông T1 vẫn đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Xét thấy giữa bà Th và ông T1 đã xảy ra mâu thuẫn thời gian dài ông T1 thường xuyên nhậu nhẹt, không lo cho vợ con, bà Th đã có lần xin ly hôn nhưng rút đơn mục đích để vợ chồng đoàn tụ, đến nay vẫn không thể hàn gắn được, theo kết quả xác minh ngày 26 tháng 6 năm 2019 của người sinh sống tại địa phương gần nhà ông T1, bà Th xác định *"...thấy bà Th và ông T1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải nhau, không rõ nguyên nhân....."*. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử thấy rằng bà Nguyễn Thị Thu Th xin ly hôn là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Có 04 (bốn) con chung tên Bùi Thị Thúy K, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2006; Bùi Thị Thúy V, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2010;

Bùi Thị Thúy Ng, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012 và Bùi Thành L, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2014.

Tại phiên tòa hôm nay bà Th yêu cầu được quyền nuôi cháu Bùi Thành L, còn các cháu khác tùy theo nguyện vọng. Trên cơ sở nguyện vọng của các cháu cần giao con chung Bùi Thị Thúy K cho ông Bùi Văn T1 nuôi dưỡng, giao các cháu Bùi Thị Thúy V, Bùi Thị Thúy Ng cho bà Nguyễn Thị Thu Th nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật và nguyện vọng các cháu.

Đối với cháu Bùi Thành L đến nay được 5 tuổi nhưng xét về điều kiện ông T1 và bà Th cũng đều đang sinh sống tại địa phương ấp T, xã T, huyện T ông T1 thường xuyên đi làm nên điều kiện chăm sóc khó khăn, do đó cần giao cho bà Th nuôi cháu Lộc là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Không có.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị là có cơ sở.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu Th khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông Bùi Văn T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Th.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu Th và ông Bùi Văn T1.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Bùi Thị Thúy K, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2006 cho ông Bùi Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Giao con chung tên Bùi Thị Thúy V, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2010; Bùi Thị Thúy Ng, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012 và Bùi Thành L, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2014 cho bà Nguyễn Thị Thu Th trực tiếp nuôi dưỡng

2.3. Ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thu Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Thu Th và ông Bùi Văn T1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Bùi Văn T1 quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0014692 ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, bà Th đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01/2009*, ngày 14 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý*.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

**** Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã Tân Lợi;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ